



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC
VÀ MTĐT ĐỒNG THÁP

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ KIỂM TOÁN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

SVC SVC SVC SVC SVC S
C SVC SVC SVC SVC SVC

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ BÌNH THẠP
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty cấp báo cáo tình hình báo cáo tài chính cùng với các tài liệu khác liên quan và
các khoản kiểm tra của Công ty kiểm toán độc lập bắt đầu vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

Công ty là đơn vị hạch toán độc lập theo quy định của pháp luật về kế toán và chế độ kế toán
doanh nghiệp Việt Nam áp dụng

	Trang
- BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY	1 - 4
- BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5 - 6
- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 9
- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 29

AA677
CHI N
CÓN
CH NH
KIỂM
SAO
KẾ

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc Công ty

Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm 2014 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Từ Phát Minh	Chủ tịch Công ty
Ông Phan Đình Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Thiện	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thượng Vũ	Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thượng Vũ được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty theo Quyết định số 39/QĐ-CN&MTĐT ngày 24/01/2014 của Chủ tịch Công ty.

2. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty đương nhiệm trong năm 2014 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
- Bà Phạm Thị Thu Dung	Kiểm soát viên
- Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Kiểm soát viên

Trong năm 2014, không có bất kỳ sự thay đổi nào đối với Ban Kiểm soát.

3. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 1 đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Số 1;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Số 2;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Số 3;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Số 4;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Số 5;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Số 6;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường – Đô thị.
- Chi nhánh Cty Dowasen. Ltd – Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng và Cấp thoát nước.



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Nhà máy Nước đóng chai Dowasen;

4. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400101205 đăng ký lần đầu ngày 27/09/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 15/07/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu sau:

- Sản xuất, kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống);
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Dịch vụ mai táng, xây mộ, chăm sóc mộ, trồng hoa kiểng;
- Xây dựng, khai thác, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đô thị, nông thôn (cầu, đường, thoát nước vỉa hè, công viên, cây xanh, điện chiếu sáng công cộng, nghĩa trang nhân dân, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải);
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi;
- Tư vấn xây dựng;
- Khảo sát địa chất công trình;
- Khảo sát địa chất thủy văn;
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp (nhẹ, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng), hạ tầng kỹ thuật;
- Giám sát công trình dân dụng, công nghiệp (nhẹ, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng), hạ tầng kỹ thuật, lĩnh vực lắp thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện;
- Thiết kế công trình cấp thoát nước;
- Dịch vụ tư vấn xây dựng: lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý dự án, thẩm tra hồ sơ thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp (nhẹ, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng), hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước;
- Lập và xét hồ sơ đấu thầu;
- Khảo sát địa hình trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Thiết kế kết cấu công trình giao thông (cầu, đường bộ);
- Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi;
- Thẩm tra thiết kế kết cấu công trình giao thông (cầu, đường bộ);
- Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình thủy lợi;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông (cầu, đường bộ), thủy lợi;
- Thiết kế công trình năng lượng (đường dây và trạm biến áp), hệ thống điện trong công trình xây dựng;
- Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và lắp đặt thiết bị công nghệ công trình năng lượng (đường dây và trạm biến áp), hệ thống điện trong công trình xây dựng;
- Dịch vụ vệ sinh cơ quan, hộ gia đình;
- Dịch vụ hút hầm cầu, vận chuyển phế liệu xây dựng, vận chuyển, di dời đồ đạc cơ quan, gia đình, công trình xây dựng;
- Chăm sóc hoa kiểng cơ quan, hộ gia đình;
- Vườn ươm cây;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;
- Lập báo cáo giám sát, quan trắc nước và môi trường;



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

- Lập phương án phân vùng, tách mạng, phòng và chống thất thu, thất thoát nước, quản lý tài sản;
- Sản xuất nước uống đóng chai, đóng bình;
- Mua bán nước uống đóng chai, đóng bình.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2014 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết hoạt động nêu trên.

5. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 7 đến trang 29.

Các kết quả tài chính

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.199.427.305 VND
- Lợi nhuận khác	1.496.789.128 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.696.216.433 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.303.386.296 VND
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	- VND
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.392.830.137 VND

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có

7. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Chủ tịch Công ty cam kết rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc niên độ tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này cần phải điều chỉnh số liệu hoặc khai báo trên báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 cho Công ty.

9. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

10. **Phê duyệt báo cáo tài chính**

Chủ tịch Công ty phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Caolanh, ngày 30 tháng 03 năm 2015
**CHỦ TỊCH CÔNG TY**

TỪ PHÁT MINH

AA577
CHI NH
CÔNG
SÁCH NHIE
KIỂM
SAO
4 KẾ

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Đến thời điểm phát hành bản báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa nhận được thư xác nhận số dư công nợ trả trước cho người bán, phải trả người bán, người mua trả tiền trước, nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn và phải trả, phải nộp khác tại ngày 31/12/2014 với số tiền lần lượt là 10.346.264.605 đồng, 17.489.105.385 đồng, 1.135.004.864 đồng, 583.221.500 đồng và 3.226.413.510 đồng. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác để có thể kiểm chứng được tính có thực và đầy đủ của số dư công nợ nêu trên.
- Trong năm 2014, Công ty phân bổ chi phí lắp đặt thủy lượng kế cho khách hàng với thời hạn 5 năm căn cứ theo Báo cáo Thẩm tra Dự thảo Quyết định ban hành giá nước máy phục vụ sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp ngày 08/06/2011 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính với điều kiện không có bất kỳ sự thay đổi nào đối với số dư đầu năm vào ngày 01/01/2014.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm trước của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán FAC kèm theo Báo cáo kiểm toán số 102/2014/BCTC-FAC ngày 12/06/2014 với ý kiến kiểm toán ngoại trừ do "không tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013".



Nguyễn Quang Nhơn

Nguyễn Quang Nhơn, Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2013-107-1

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Cần Thơ, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Đặng Thị Thiên Nga

Đặng Thị Thiên Nga

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0462-2013-107-1

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số : B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		115.522.814.181	95.429.522.272
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	24.508.143.881	19.399.845.740
1. Tiền	111		16.508.143.881	11.399.845.740
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	8.000.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.2	53.694.972.905	44.980.971.348
1. Phải thu khách hàng	131		39.029.562.493	42.138.866.352
2. Trả trước cho người bán	132		15.702.273.694	3.235.666.569
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		908.516.168	808.038.181
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.945.379.450)	(1.201.599.754)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		28.958.894.257	24.791.614.881
1. Hàng tồn kho	141	V.3	28.958.894.257	24.791.614.881
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.4	8.360.803.138	6.257.090.303
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		372.887.876	190.104.611
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154		235.451.961	738.282.113
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.752.463.301	5.328.703.579
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		336.374.783.170	322.613.305.522
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		326.445.601.270	312.003.313.509
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	257.756.402.093	270.993.627.788
- Nguyên giá	222		401.203.458.993	401.506.164.072
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(143.447.056.900)	(130.512.536.284)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	3.531.834.264	3.785.270.715
- Nguyên giá	228		4.420.461.413	4.420.461.413
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(888.627.149)	(635.190.698)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	65.157.364.913	37.224.415.006
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		84.040.000	584.040.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		84.040.000	584.040.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		9.845.141.900	10.025.952.013
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	9.845.141.900	10.025.952.013
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		451.897.597.351	418.042.827.794

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		122.568.731.938	98.670.239.733
I. Nợ ngắn hạn	310		65.713.678.296	67.522.966.591
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	8.420.690.670
2. Phải trả người bán	312	V.9	20.393.414.184	16.201.396.495
3. Người mua trả tiền trước	313	V.9	1.135.004.864	6.867.493.687
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	2.680.079.524	2.461.981.229
5. Phải trả người lao động	315		29.593.608.395	11.887.852.355
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	6.596.644.631	10.825.842.256
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	7.500.000.000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.314.926.698	3.357.709.899
II. Nợ dài hạn	330		56.855.053.642	31.147.273.142
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	56.107.508.142	31.147.273.142
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		747.545.500	-
10. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		329.328.865.413	319.372.588.061
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	327.936.379.841	317.292.845.178
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		287.607.464.235	283.427.994.532
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.470.882.540	330.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.068.017.161	6.697.593.646
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		34.790.015.905	26.837.257.000
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		1.392.485.572	2.079.742.883
2. Nguồn kinh phí	432		1.392.485.572	2.079.742.883
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		451.897.597.351	418.042.827.794

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

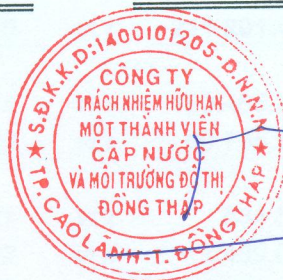
Mẫu số : B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		1.591.050.000	1.591.050.000
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hoàng Quốc Hưng
Người lập

Phạm Chí Thức
Kế toán trưởng



Phan Đình Hùng
Tổng Giám đốc
Cao Lãnh, ngày 04 tháng 01 năm 2015



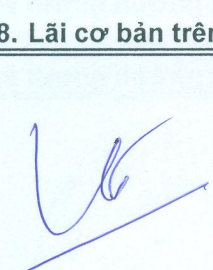
CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số : B 02 - DN


Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		211.201.473.342	187.486.659.576
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	15.000
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	211.201.473.342	187.486.644.576
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	160.466.371.912	143.940.426.113
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	50.735.101.430	43.546.218.463
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	534.518.273	299.840.863
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	1.489.059.324	1.894.514.637
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.489.059.324	1.894.514.637
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	22.872.777.066	19.982.562.929
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	19.708.356.008	15.279.963.951
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.199.427.305	6.689.017.809
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.625.294.825	864.814.171
12. Chi phí khác	32	VI.7	128.505.697	451.082.008
13. Lợi nhuận khác	40		1.496.789.128	413.732.163
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.8	8.696.216.433	7.102.749.972
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	1.303.386.296	1.320.456.275
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.8	7.392.830.137	5.782.293.697
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-


 Hoàng Quốc Hưng
 Người lập


 Phạm Chí Thức
 Kế toán trưởng


 Phan Đình Hùng
 Tổng Giám đốc
 Cao Lãnh, ngày 04 tháng 01 năm 2015



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	206.412.429.610	164.297.650.910
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(81.315.372.976)	(60.736.753.092)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(43.775.980.236)	(38.534.906.831)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.936.703.781)	(1.894.514.637)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.991.462.552)	(801.438.211)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	275.643.591.419	276.093.383.030
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(337.819.777.229)	(301.113.154.919)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.216.724.255	37.310.266.250
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.218.459.423)	(3.236.759.595)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.000.000.000)	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.000.000.000	4.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	525.782.179	291.408.289
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.692.677.244)	(8.945.351.306)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.357.741.800	966.738.818
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10.773.490.670)	(20.618.150.080)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.415.748.870)	(19.651.411.262)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	5.108.298.141	8.713.503.682
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	19.399.845.740	10.686.342.058
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	24.508.143.881	19.399.845.740



Hoàng Quốc Hưng
Người lập



Phạm Chí Thức
Kế toán trưởng



Phan Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Cao Lãnh, ngày 04 tháng 01 năm 2015

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp là công ty TNHH một thành viên được chuyển đổi từ Công ty Cấp thoát nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp theo Quyết định số 158/QĐ-UBND-TL ngày 21/09/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400101205 đăng ký lần đầu ngày 27/09/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 15/07/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Chủ sở hữu Công ty: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 50.844.000.000 đồng.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu thể hiện trên Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2014 là 287.607.464.235.

2. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 1 đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Số 1;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Số 2;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Số 3;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Số 4;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Số 5;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Số 6;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường – Đô thị.
- Chi nhánh Cty Dowasen. Ltd – Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng và Cấp thoát nước.
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Nhà máy Nước đóng chai Dowasen;

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống);
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Dịch vụ mai táng, xây mộ, chăm sóc mộ, trồng hoa kiểng;
- Xây dựng, khai thác, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đô thị, nông thôn (cầu, đường, thoát nước vỉa hè, công viên, cây xanh, điện chiếu sáng công cộng, nghĩa trang nhân dân, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải);
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi;
- Tư vấn xây dựng;
- Khảo sát địa chất công trình;
- Khảo sát địa chất thủy văn;
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp (nhẹ, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng), hạ tầng kỹ thuật;
- Giám sát công trình dân dụng, công nghiệp (nhẹ, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng), hạ tầng kỹ thuật, lĩnh vực lắp thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện;
- Thiết kế công trình cấp thoát nước;
- Dịch vụ tư vấn xây dựng: lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý dự án, thẩm tra hồ sơ thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp (nhẹ, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng), hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước;
- Lập và xét hồ sơ đấu thầu;
- Khảo sát địa hình trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Thiết kế kết cấu công trình giao thông (cầu, đường bộ);
- Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi;
- Thẩm tra thiết kế kết cấu công trình giao thông (cầu, đường bộ);
- Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình thủy lợi;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông (cầu, đường bộ), thủy lợi;
- Thiết kế công trình năng lượng (đường dây và trạm biến áp), hệ thống điện trong công trình xây dựng;
- Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và lắp đặt thiết bị công nghệ công trình năng lượng (đường dây và trạm biến áp), hệ thống điện trong công trình xây dựng;
- Dịch vụ vệ sinh cơ quan, hộ gia đình;
- Dịch vụ hút hầm cầu, vận chuyển phế liệu xây dựng, vận chuyển, di dời đồ đạc cơ quan, gia đình, công trình xây dựng;
- Chăm sóc hoa kiểng cơ quan, hộ gia đình;
- Vườn ươm cây;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;
- Lập báo cáo giám sát, quan trắc nước và môi trường;
- Lập phương án phân vùng, tách mạng, phòng và chống thất thu, thất thoát nước, quản lý tài sản;
- Sản xuất nước uống đóng chai, đóng bình;
- Mua bán nước uống đóng chai, đóng bình.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2014 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết hoạt động nêu trên.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. *Kỳ kế toán năm*

Các kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các Thông tư sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài Chính.

2. *Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. *Hình thức kế toán áp dụng*: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. *Cơ sở lập báo cáo tài chính*

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. *Nguyên tắc xác định các khoản tiền*

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Cuối niên độ kế toán 2014, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Nhóm TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 30 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	07 - 30 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	Hết khấu hao
- TSCĐ vô hình – Quyền sử dụng đất	25 - 49 năm
- TSCĐ vô hình – Phần mềm máy vi tính	03 năm
- TSCĐ vô hình khác	03 - 25 năm

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán. Trong năm 2014, không có khoản chi phí đi vay nào được vốn hóa.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Trong năm 2014, Công ty trích quỹ lương cán bộ, công nhân viên vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/09/2013 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và trích quỹ lương Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên theo hướng dẫn tại Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/09/2013 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

9. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo hướng dẫn tại Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 và Nghị định số 220/2013/NĐ-CP ngày 31/12/2013 của Chính Phủ, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh lại khi có quyết định chính thức về việc đánh giá doanh nghiệp

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với khối lượng công việc đã hoàn thành, nghiệm thu và chắc chắn thu được tiền.

12. Thuế

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng tại Công ty là 10% đối với hoạt động cung cấp nước sạch và thu gom vận chuyển rác (lĩnh vực xã hội hóa) theo quy định tại Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các hoạt động còn lại là 22%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2014, Công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

13. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào Báo cáo kiểm toán năm trước đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán FAC.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.283.356.168 (a)	398.643.445
Tiền gửi ngân hàng	15.224.787.713 (b)	11.001.202.295
Các khoản tương đương tiền	8.000.000.000 (c)	8.000.000.000
Cộng	<u>24.508.143.881</u>	<u>19.399.845.740</u>

(a) Chi tiết số dư tiền mặt tại ngày 31/12/2014 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số tiền
- Văn phòng Công ty	470.881.351
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 1	16.309.723
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 2	1.944.824
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 3	6.528.271
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 4	2.331.878
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 5	20.377.906
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 6	7.353.122
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường – Đô thị	124.496.403
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng và Cấp thoát nước	7.688.643
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư	625.444.047
Cộng	<u>1.283.356.168</u>

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(b) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2014 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số tiền
- Văn phòng Công ty	6.749.694.444
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 1	528.861.437
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 2	649.193.359
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 3	366.086.877
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 4	557.407.085
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 5	249.173.354
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 6	706.994.480
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường – Đô thị	3.535.789.406
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng và Cấp thoát nước	348.397.281
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư	1.533.189.990
Cộng	15.224.787.713

(c) Đây là tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp.

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	39.029.562.493 (d)	42.138.866.352
Trả trước cho người bán	15.702.273.694 (e)	3.235.666.569
Các khoản phải thu khác	908.516.168 (f)	808.038.181
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.945.379.450) (g)	(1.201.599.754)
Cộng	53.694.972.905	44.980.971.348

(d) Chi tiết số dư phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2014 như sau:

Khách hàng	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
- Phải thu từ xây lắp	20.983.536.956	9.833.964.145
- Phải thu tiền nước sinh hoạt	3.285.037.986	425.969.967
- Phải thu tiền thu gom và vận chuyển rác	11.088.111.842	2.335.833.700
- Phải thu tiền công viên cây xanh	2.832.810.000	-
- Phải thu các khách hàng khác	840.065.709	145.227.188
Cộng	39.029.562.493	12.740.995.000

(e) Chi tiết số dư trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2014 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
- Văn phòng Công ty	15.006.067.905	-
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 4	216.000	-

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đơn vị trực thuộc	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường – Đô thị	110.000.000	-
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư	585.989.789	-
Cộng	15.702.273.694	-

(f) Chi tiết số dư các khoản phải thu khác tại ngày 31/12/2014 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
- Văn phòng Công ty	900.733.940	11.830.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 2	4.000.000	4.000.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 4	3.682.228	-
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường – Đô thị	100.000	-
Cộng	908.516.168	15.830.000

(g) Chi tiết số dư dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại ngày 31/12/2014 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số tiền
- Văn phòng Công ty	11.830.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 1	108.700.984
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 2	154.786.427
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 3	22.713.411
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 4	27.787.634
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 5	1.579.250
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 6	33.259.114
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường – Đô thị	1.584.722.630
Cộng	1.945.379.450

3. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	17.357.352.198 (h)	13.990.652.293
Công cụ, dụng cụ trong kho	379.517.715	414.279.083
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.222.024.344 (i)	10.386.683.505
Cộng giá gốc hàng tồn kho	28.958.894.257	24.791.614.881

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

(h) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho tại ngày 31/12/2014 như sau:

Nguyên liệu, vật liệu	Số tiền
- Nguyên liệu, vật liệu chính	1.954.731.601
- Nhiên liệu	557.618.598
- Phụ tùng thay thế	130.807.597
- Thiết bị xây dựng cơ bản	493.348.497
- Vật liệu khác (vật tư ngành cấp thoát nước)	14.220.845.905
Cộng	17.357.352.198

(i) Đây là chi phí xây lắp công trình dở dang.

4. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	372.887.876 (j)	190.104.611
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	235.451.961 (k)	738.282.113
Tài sản ngắn hạn khác	7.752.463.301 (l)	5.328.703.579
Cộng	8.360.803.138	6.257.090.303

(j) Chi tiết số dư chi phí trả trước ngắn hạn tại ngày 31/12/2014 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số tiền
- Văn phòng Công ty	141.263.300
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 2	86.626.101
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 3	1.666.593
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 4	110.787.643
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường – Đô thị	32.544.239
Cộng	372.887.876

(k) Đây là số thuế thu nhập cá nhân nộp thừa.

(l) Chi tiết số dư tài sản ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2014 như sau:

	Số tiền
- Tạm ứng	6.827.015.099
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	925.448.202
Cộng	7.752.463.301

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

<i>Loại tài sản</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Nguyên giá	401.506.164.072	8.679.250.570	8.981.955.649	401.203.458.993
- Nhà cửa, vật kiến trúc	196.875.484.737	1.878.354.645	1.608.325.703	197.145.513.679
- Máy móc, thiết bị	34.979.001.467	792.324.400	812.043.102	34.959.282.765
- PT vận tải, TB truyền dẫn	168.926.803.802	5.885.301.525	6.365.987.479	168.446.117.848
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	689.363.633	123.270.000	195.599.365	617.034.268
- Tài sản cố định khác	35.510.433	-	-	35.510.433
Hao mòn lũy kế	130.512.536.284	20.528.981.105	7.594.460.489	143.447.056.900
- Nhà cửa, vật kiến trúc	26.801.730.396	8.412.128.014	471.232.964	34.742.625.446
- Máy móc, thiết bị	12.605.791.527	2.540.364.524	774.095.359	14.372.060.692
- PT vận tải, TB truyền dẫn	90.623.046.992	9.424.210.686	6.153.532.801	93.893.724.877
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	446.456.936	152.277.881	195.599.365	403.135.452
- Tài sản cố định khác	35.510.433	-	-	35.510.433
Giá trị còn lại	270.993.627.788			257.756.402.093
- Nhà cửa, vật kiến trúc	170.073.754.341			162.402.888.233
- Máy móc, thiết bị	22.373.209.940			20.587.222.073
- PT vận tải, TB truyền dẫn	78.303.756.810			74.552.392.971
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	242.906.697			213.898.816
- Tài sản cố định khác	-			-

Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2014 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Xe Toyota Fortuner 2.7V 4x4	1.050.145.455
- Xe Toyota Hiace 2.7 Commuter Gasoline	1.011.780.000
- Nhà máy nước Khu công nghiệp Trần Quốc Toản	659.862.272
- Công trình thu, trạm bơm cấp 1 + bộ đỡ HTXL + nhà kho	614.618.090
- TOCN 114, 75 Cầu Ngã Bát + 75 nổi mạng + 42TC Cần Lố	589.862.570
- TOCN PVC 114 đường CMT8 (từ UBND phường 3 – cuối đường)	481.415.072
- Xe ủi Komatsu D31P-16-5TY	378.636.364
- TOCN cầu Đình đến cầu Ông Góc + TOCN rạch Ông Tú	373.406.440
- Mở rộng HTCN huyện Lai Vung – Tuyến Cái Bàng	359.432.846
- TOCN PVC 114; 90; 75 từ cầu Đình đến rạch Cái Gia	349.191.406
- Mở rộng mạng lưới CN xã T. Phú Đông + T. Khánh Đông	326.862.175
- Tuyến ống cấp nước PVC 114, D60 đường Lê Lợi	252.341.285
- Tuyến ống Bờ Nam Kênh Cù đi Long Thắng	203.456.399
- Bể chứa nước sạch (XL, CN) & trạm bơm cấp 2 (GT6)	194.495.423
- MLCN tuyến dân cư dẫn vào cầu sông Cái Nhỏ	191.046.967
- Máy phát điện (Denyo 60KVA)	165.000.000
- Bể lọc	141.478.462
- Bồn áp lực & sửa chữa nhà bao che công nghệ xử lý	139.160.909
- Đồng hồ @ 200 điện từ (Isomag)	137.945.000
- Trạm bơm I – II (GD 2 – Vốn OECF – SD)	129.000.000
- Máy chủ TBMX365M4	123.270.000
- Các tài sản cố định khác	806.843.435
Cộng	8.679.250.570



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết tài sản cố định hữu hình giảm trong năm 2014 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Thanh lý dự án thị xã Cao Lãnh – tỉnh Đồng Tháp	4.967.373.598
- Điều chuyển bể lọc	653.096.070
- Điều chuyển nhà điều khiển, bể lọc, trạm cấp 1, nhà điều hành...	403.893.758
- Thanh lý tuyến ống gang 150 Thanh Bình	275.365.745
- Thanh lý ống @ 100 cầu Đình Trung	256.454.019
- Điều chuyển, tuyến ống chuyển tải & phân phối (phần 2 – GT3)	205.467.483
- Thanh lý nhà hành chánh	197.881.600
- Thanh lý ống thép THĐ 150	149.444.588
- Thanh lý máy châm Clor Thanh Bình	130.754.600
- Thanh lý máy bơm Ebara 22 KW trạm TQT	118.440.308
- Thanh lý ống @ 150 BV Hữu Nghị	106.439.180
- Thanh lý tuyến ống @ 100 đường THĐ	103.764.819
- Các tài sản cố định khác	<u>1.413.579.881</u>
Cộng	<u>8.981.955.649</u>
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có	
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 76.322.745.655	
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có	
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có	
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có	

6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Nguyên giá	4.420.461.413	-	-	4.420.461.413
- Quyền sử dụng đất	3.243.672.550	-	-	3.243.672.550
- Phần mềm máy tính	312.088.000	-	-	312.088.000
- Tài sản cố định vô hình khác	864.700.863	-	-	864.700.863
Hao mòn lũy kế	635.190.698	253.436.451	-	888.627.149
- Quyền sử dụng đất	43.801.122	11.267.280	-	55.068.402
- Phần mềm máy tính	131.650.075	104.029.344	-	235.679.419
- Tài sản cố định vô hình khác	459.739.501	138.139.827	-	597.879.328
Giá trị còn lại	3.785.270.715			3.531.834.264
- Quyền sử dụng đất	3.199.871.428			3.188.604.148
- Phần mềm máy tính	180.437.925			76.408.581
- Tài sản cố định vô hình khác	404.961.362			266.821.535

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	65.157.364.913 (m)	37.224.415.006
Cộng	<u>65.157.364.913</u>	<u>37.224.415.006</u>

(m) Chi tiết số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2014 như sau:

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công trình	Số cuối năm
- Dự án thoát nước + XLNT TP. Cao Lãnh	24.937.367.755
- Hệ thống cấp nước	17.941.430.262
- Trạm xử lý nước sông Nha Môn – H. Châu Thành	8.415.195.727
- Trạm cấp nước tái định cư Thị trấn Lai Vung	3.225.347.091
- Trạm cấp nước Khu công nghiệp xã Mỹ Hiệp – H. Cao Lãnh	3.063.273.636
- Hệ thống tuyến ống	1.828.779.641
- Dự án khu xử lý chất thải rắn Đập Đá – H. Cao Lãnh	1.517.361.000
- Trụ sở làm việc CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 2	1.454.545.455
- Các công trình khác	2.774.064.346
Cộng	65.157.364.913

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	9.845.141.900 (n)	10.025.952.013
Cộng	9.845.141.900	10.025.952.013

(n) Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31/12/2014 như sau:

	Số tiền
- Chi phí lắp đặt thủy lượng kế	6.970.303.552
- Chi phí công cụ, dụng cụ	943.355.732
- Chi phí đầu tư hệ thống cấp nước	828.062.433
- Chi phí thuê quyền sử dụng đất	556.941.093
- Chi phí trả trước dài hạn khác	546.479.090
Cộng	9.845.141.900

9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	20.393.414.184 (o)	16.201.396.495
Người mua trả tiền trước	1.135.004.864 (p)	6.867.493.687
Cộng	21.528.419.048	23.068.890.182

(o) Chi tiết số dư phải trả người bán tại ngày 31/12/2014 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số tiền
- Văn phòng Công ty	5.993.032.452
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 2	46.640.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường – Đô thị	1.695.706.598
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng và Cấp thoát nước	17.488.468
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư	12.640.546.666
Cộng	20.393.414.184

(p) Chi tiết số dư người mua trả tiền trước tại ngày 31/12/2014 như sau:

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đơn vị trực thuộc	Số tiền
- Văn phòng Công ty	154.000.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 1	
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 2	140.982.324
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 3	
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 4	16.799.200
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 5	120.000.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 6	1.493.340
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường – Đô thị	
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng và Cấp thoát nước	15.730.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư	
	<u>686.000.000</u>
Cộng	<u>1.135.004.864</u>

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	1.427.800.449	710.348.853
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	517.479.426	1.205.555.682
- Thuế tài nguyên	207.567.533	147.357.008
- Phí nước thải sinh hoạt	527.232.116	398.719.686
Cộng	<u>2.680.079.524</u>	<u>2.461.981.229</u>

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	6.596.644.631 (q)	10.825.842.256
Cộng	<u>6.596.644.631</u>	<u>10.825.842.256</u>

(q) Chi tiết số dư các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2014 như sau:

	Số tiền
Kinh phí công đoàn	138.704.771
- Văn phòng Công ty	138.704.771
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	583.221.500
- Văn phòng Công ty	26.762.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 1	245.253.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 2	270.406.500
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 3	13.000.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 4	12.600.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 6	15.200.000
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.874.718.360
- Văn phòng Công ty	4.107.667.675
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 1	143.809.848

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	<u>Số tiền</u>
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 2	767.823.435
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 3	169.182.067
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 4	67.972.252
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 5	64.572.363
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 6	41.385.811
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường – Đô thị	512.304.909
Cộng	<u>6.596.644.631</u>

12. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn	56.107.508.142 (r)	31.147.273.142
Cộng	<u>56.107.508.142</u>	<u>31.147.273.142</u>

(r) Chi tiết số dư vay dài hạn tại ngày 31/12/2014 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam – KV Đồng Tháp – An Giang	30.389.807.487
- Quỹ đầu tư phát triển Đồng Tháp	25.717.700.655
Cộng	<u>56.107.508.142</u>

13. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	283.427.994.532	10.214.801.442	6.035.331.739	287.607.464.235
- Vốn khác của chủ sở hữu	330.000.000	1.140.882.540	-	1.470.882.540
- Quỹ đầu tư phát triển	6.697.593.646	2.217.846.211	4.847.422.696	4.068.017.161
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	7.392.830.137	7.392.830.137	-
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	26.837.257.000	8.188.758.905	236.000.000	34.790.015.905
Cộng	<u>317.292.845.178</u>	<u>29.155.119.235</u>	<u>18.511.584.572</u>	<u>327.936.379.841</u>

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng trong năm 2014 là do:

	<u>Số tiền</u>
- Điều chuyển giữa các chi nhánh	5.131.378.746
- Kết chuyển từ quỹ đầu tư phát triển sang	4.847.422.696
- Kết chuyển từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản sang	236.000.000
Cộng	<u>10.214.801.442</u>

Vốn đầu tư của chủ sở hữu giảm trong năm 2014 là do:

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu giảm trong năm 2014 là do:

	<u>Số tiền</u>
- Điều chuyển giữa các chi nhánh	5.131.378.746
- Điều chỉnh giảm giá trị tài sản từ nguồn vốn Dự án Úc	903.952.993
Cộng	<u>6.035.331.739</u>

Vốn khác của chủ sở hữu tăng trong năm 2014 là do:

	<u>Số tiền</u>
- Nhận hỗ trợ vốn xây dựng tuyến ống từ các huyện	1.140.882.540
Cộng	<u>1.140.882.540</u>

Quỹ đầu tư phát triển tăng trong năm 2014 là do:

	<u>Số tiền</u>
- Phân phối lợi nhuận năm 2014	2.217.846.211
Cộng	<u>2.217.846.211</u>

Quỹ đầu tư phát triển giảm trong năm 2014 là do:

	<u>Số tiền</u>
- Kết chuyển sang vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.847.422.696
Cộng	<u>4.847.422.696</u>

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tăng trong năm 2014 là do:

	<u>Số tiền</u>
- Ngân sách Nhà nước cấp	8.188.758.905
Cộng	<u>8.188.758.905</u>

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản giảm trong năm 2014 là do:

	<u>Số tiền</u>
- Kết chuyển sang vốn đầu tư của chủ sở hữu	236.000.000
Cộng	<u>236.000.000</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Doanh thu thuần</u>	<u>Giá vốn</u>	<u>Lãi gộp</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Hoạt động môi trường	35.316.065.345	28.113.268.011	7.202.797.334	20,40%
- Thu gom và vận chuyển rác	29.841.084.218	23.168.031.586	6.673.052.632	22,36%
- Hút hầm cầu	549.226.162	206.133.993	343.092.169	62,47%

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Công viên cây xanh	3.024.829.088	2.296.410.635	728.418.453	24,08%
- Nghĩa trang	1.900.925.877	2.442.691.797	(541.765.920)	(28,50%)
Hoạt động kinh doanh	175.885.407.997	132.353.103.901	43.532.304.096	24,75%
- Nước sinh hoạt	121.128.113.272	83.582.565.248	37.545.548.024	31,00%
- Dịch vụ nước	168.937.270	2.170.000	166.767.270	98,72%
- Vật tư	1.688.853.347	1.301.562.901	387.290.446	22,93%
- Xây lắp	49.768.179.102	44.709.295.721	5.058.883.381	10,16%
- Sửa chữa	65.629.091	76.889.630	(11.260.539)	(17,16%)
- Cho thuê phương tiện	470.965.918	245.982.164	224.983.754	47,77%
- Tư vấn	2.487.244.544	2.357.844.199	129.400.345	5,20%
- Dịch vụ khác	107.485.453	76.794.038	30.691.415	28,55%
Cộng	211.201.473.342	160.466.371.912	50.735.101.430	24,02%

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	434.518.273	279.840.863
- Lãi đầu tư trái phiếu, cổ phiếu	100.000.000	20.000.000
Cộng	<u>534.518.273</u>	<u>299.840.863</u>

3. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí lãi vay	671.437.343	955.712.656
- Chi phí lãi vay Dự án Hà Lan	817.621.981	938.801.981
Cộng	<u>1.489.059.324</u>	<u>1.894.514.637</u>

4. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên	8.598.028.668	8.966.917.218
- Chi phí vật liệu, bao bì	5.639.778.645	8.232.965.461
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	238.639.838	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	8.395.989.915	2.778.600.250
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	340.000	4.080.000
Cộng	<u>22.872.777.066</u>	<u>19.982.562.929</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	9.401.724.794	7.429.566.528
- Chi phí vật liệu quản lý	743.012.770	1.327.917.319
- Chi phí đồ dùng văn phòng	663.960.240	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	468.112.601	379.420.601
- Thuế, phí và lệ phí	494.752.924	491.586.563
- Chi phí dự phòng	743.779.696	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.740.672.396	994.579.279
- Chi phí bằng tiền khác	5.452.340.587	4.656.893.661
Cộng	<u>19.708.356.008</u>	<u>15.279.963.951</u>



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu phạt vi phạm hợp đồng	12.843.000	28.122.000
- Thu thanh lý tài sản, vật tư	386.239.615	236.872.272
- Xử lý kết quả kiểm kê thừa	293.921.265	-
- Các khoản thu nhập khác	932.290.945	599.819.899
Cộng	<u>1.625.294.825</u>	<u>864.814.171</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Phạt vi phạm hợp đồng	453.000	4.703.000
- Chi thanh lý tài sản, vật tư	117.817.316	211.572.150
- Các khoản chi phí khác	10.235.381	234.806.858
Cộng	<u>128.505.697</u>	<u>451.082.008</u>

8. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2014	8.696.216.433
Điều chỉnh các khoản giảm thu nhập chịu thuế	20.000.000
- Cổ tức được chia	20.000.000
Lợi nhuận tính thuế năm 2014	8.676.216.433
Trong đó: - Lợi nhuận chịu thuế suất 10%	5.044.844.326
- Lợi nhuận chịu thuế suất 22%	3.631.372.107
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.303.386.296
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2014	7.392.830.137
- Phạt chậm nộp	9.435
- Trích quỹ đầu tư phát triển	2.217.846.211
- Trích quỹ thưởng viên chức quản lý	412.312.500
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.762.661.991
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm 2014	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có
3. Thông tin về các bên liên quan: không có

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):** Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán FAC.
- Thông tin về hoạt động liên tục:** Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Chủ tịch Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.
- Thay đổi chính sách kế toán:** Trong năm không có bất kỳ thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

NGƯỜI LẬP



HOÀNG QUỐC HƯNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM CHÍ THỨC

Cao Lãnh, ngày 04 tháng 01 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHAN ĐÌNH HÙNG

*** VĂN PHÒNG TPHCM:**

386/51 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3526 1357 - 3526 1358 * Fax: (84-8) 3526 1359 * Email: svc-hcm@vnn.vn

*** VĂN PHÒNG CN TP.HCM:**

292/33/33 Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3553 3730 - 3553 3731 * Fax: (84-8) 3553 3732 * Email: saoviet1011@vnn.vn

*** VĂN PHÒNG CN CẦN THƠ:**

137 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Tel: (0710) 3765 999 * Fax: (0710) 3765 766 * Email: svc-ct@vnn.vn

*** OFFICE HCM CITY:**

386/51 Le Van Sy Str., Ward 14, District 3, Ho Chi Minh City
Tel: (84-8) 3526 1357 - 3526 1358 * Fax: (84-8) 3526 1359 * Email: svc-hcm@vnn.vn

*** BRANCH OFFICE HCM CITY:**

292/33/33 Binh Loi, Ward 13, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City
Tel: (84-8) 3511 4167 - 3511 4168 * Fax: (84-8) 3511 4169 * Email: saoviet1011@vnn.vn

*** BRANCH OFFICE CAN THO CITY:**

137 Tran Hung Dao Str., An Phu Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City
Tel: (0710) 3765 999 * Fax: (0710) 3765 766 * Email: svc-ct@vnn.vn

SVC SVC SVC SVC SVC SVC
SVC SVC SVC SVC SVC SVC